

IV. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN.

1/ Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản.

Tái sản xuất:
quá trình sản
xuất được
lặp đi lặp lại
và tiếp diễn
một cách ;
liên tục
không ngừng

TÁI SX GIẢN ĐƠN

Là quá trình sx được lặp
lại với quy mô như cũ.

TÁI SX MỞ RỘNG

Là quá trình sx được lặp
lại với quy mô lớn hơn
trước

Tích lũy tư bản là sự chuyển hóa trở lại của giá trị thặng dư thành tư bản.

Thực chất của tích lũy tư bản là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản hay quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư để tái đầu tư và mở rộng sản xuất.

M

m1(tiêu dùng)

m2 (tích lũy)



Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản:

+ Nếu M không đổi thì quy mô tích lũy của tư bản phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia m_1 và m_2 .

+ Nếu tỷ lệ phân chia giữa m_1 và m_2 được xác định thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào M.

Trong trường hợp này M phụ thuộc vào

- Trình độ bóc lột sức lao động.
- Trình độ năng suất lao động xã hội.

- Sự chênh lệch giữa tư bản được sử dụng và tư bản đã tiêu dùng.
- Quy mô của tư bản ứng trước.

2/ Tích tụ và tập trung tư bản.

+ Tích tụ tư bản là sự tăng thêm của quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư trong một xí nghiệp nào đó, nó là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.



NHÀ TƯ BẢN TĂNG QUY MÔ
SẢN XUẤT CÁ BIỆT

+ Tập
trung tư bản là
sự tăng thêm
quy mô của tư
bản cá biệt
bằng cách hợp
nhất những tư
bản cá biệt có
sẵn trong xã
hội thành một
tư bản cá biệt
khác lớn hơn.

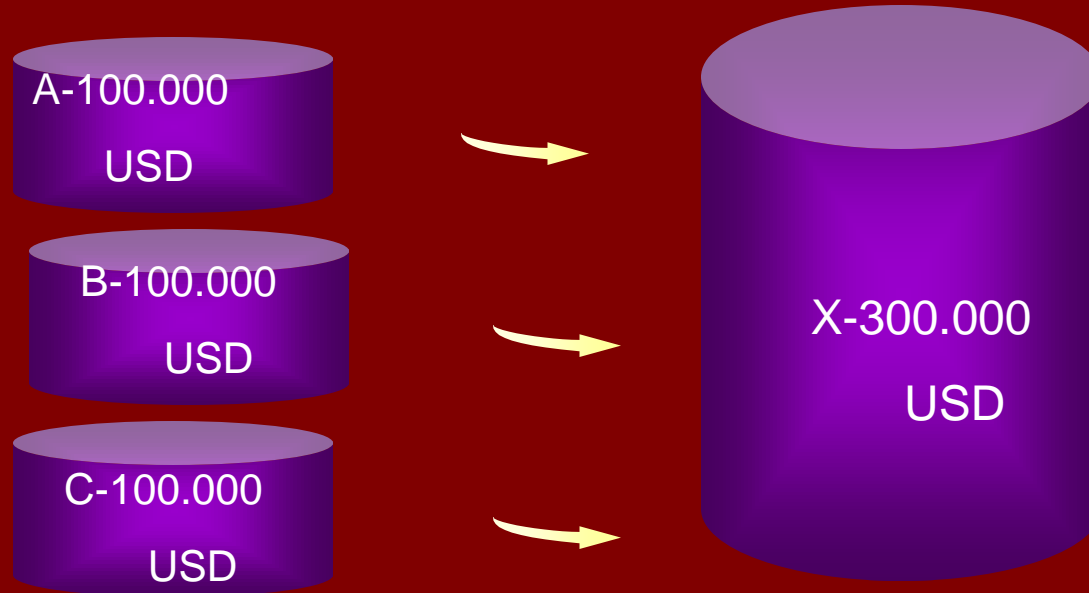


Phân biệt tích tụ và tập tư bản.

Tích tụ tư bản:



Tập
trung
tư
bản



**TĂNG QUY MÔ
TBCB VÀ XH**

**CHỈ TĂNG QUY
MÔ TBCB**

**NGUỒN TÍCH
TỤ LÀ GIÁ TRỊ
THẶNG DƯ**

**NGUỒN TẬP
TRUNG LÀ
NHỮNG TỰ
BẢN CÁ BIỆT
CÓ SẴN TRONG
XÃ HỘI**

**TÍCH TỤ
TỰ BẢN**

**ĐỀU LÀM
TĂNG
QUY MÔ
TỰ BẢN
CÁ BIỆT**

**TẬP TRUNG
TỰ BẢN**

Mối quan hệ giữa tích tụ và tập trung tư bản.

+ Tích tụ tư bản làm tăng thêm quy mô và sức mạnh của tư bản cá biệt, do đó cạnh tranh sẽ gay gắt hơn, dẫn đến tập trung nhanh hơn.

+ Tập trung tư bản tạo điều kiện tăng cường bóc lột giá trị thặng dư nên đẩy nhanh tích tụ tư bản.

Do vậy, quá trình tích lũy tư bản ngày càng mạnh, tính chất xã hội hóa ngày càng tăng và làm cho những mâu thuẫn trong xã hội ngày càng sâu sắc thêm.

Hậu quả của tích lũy tư bản



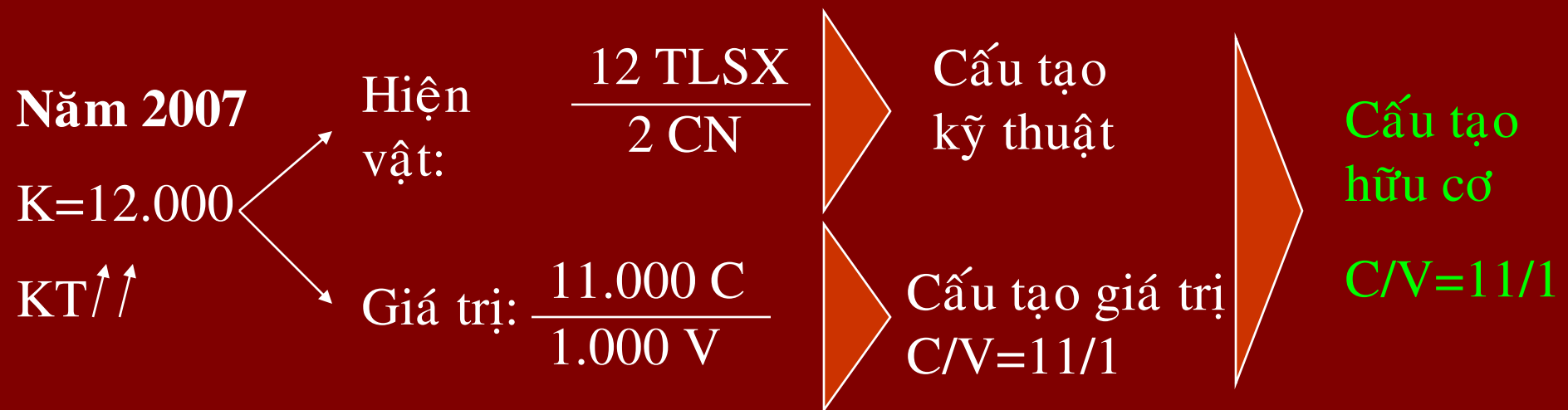
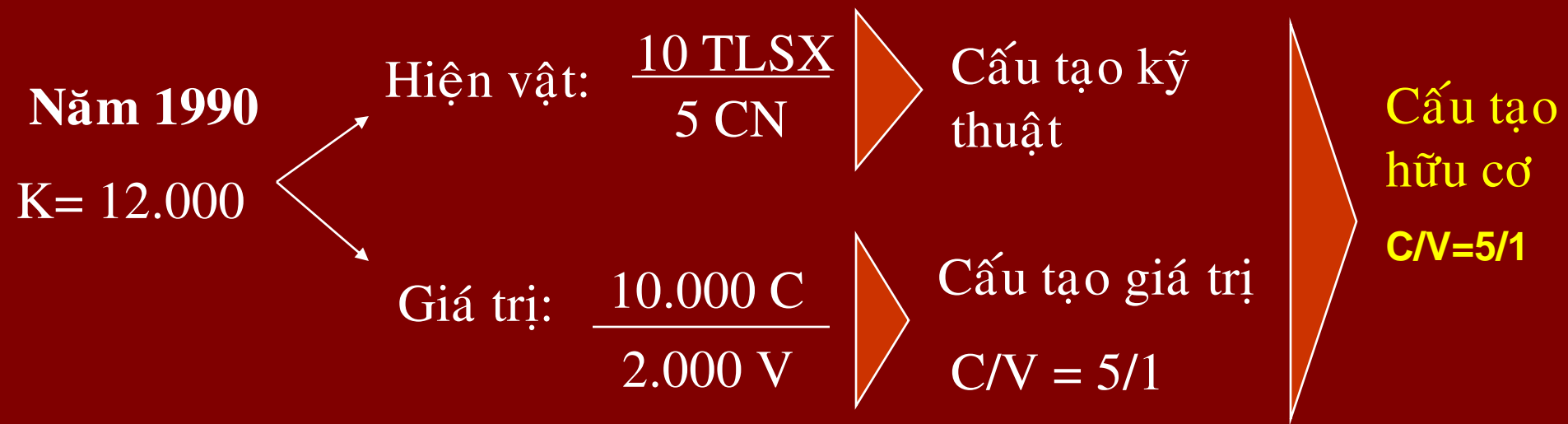
3/ Cấu tạo hữu cơ của tư bản.

Trong quá trình tích lũy, tư bản có biến đổi về quy mô và cấu tạo. C.Mác chia ra các cấu tạo sau:

+ **Cấu tạo kỹ thuật của tư bản** là tỷ lệ giữa số lượng tư liệu sản xuất và số lượng sức lao động sử dụng những TLSX đó trong quá trình SX.

+ **Cấu tạo giá trị của tư bản** là tỷ lệ giữa số lượng giá trị của tư bản bất biến và số lượng giá trị của tư bản khả biến cần thiết để tiến hành sản xuất. (c/v)

+ **Cấu tạo hữu cơ của tư bản** là cấu tạo giá trị của tư bản do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh những biến đổi của cấu tạo kỹ thuật của tư bản.



Những biểu hiện và ảnh hưởng
khi cấu tạo hữu cơ tăng lên:

Tư bản bất biến tăng tuyệt
đối và tương đối trong khi đó tư
bản khả biến tăng tuyệt đối và
giảm tương đối, làm giảm nhu
cầu về sức lao động dẫn đến tình
trạng thất nghiệp.

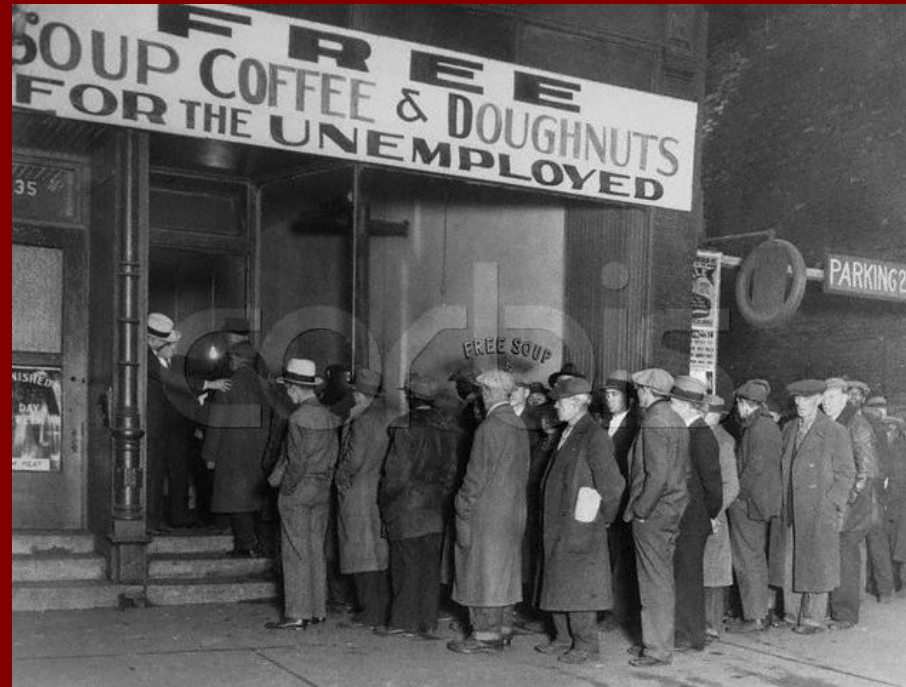
Xét trên phạm vi xã hội thì
cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng
lên là nguyên nhân trực tiếp dẫn
đến thất nghiệp trong xã hội tư
bản.



Quá trình tích lũy tư bản là quá trình
tăng cấu tạo hữu cơ tư bản



Hậu quả của tích lũy tư bản



Thất nghiệp và bất bình đẳng xã hội

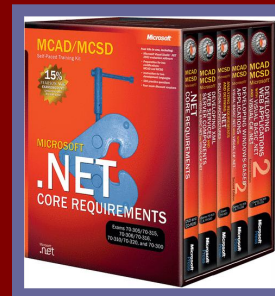
V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư



1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản a. Tuần hoàn tư bản

T

H



H

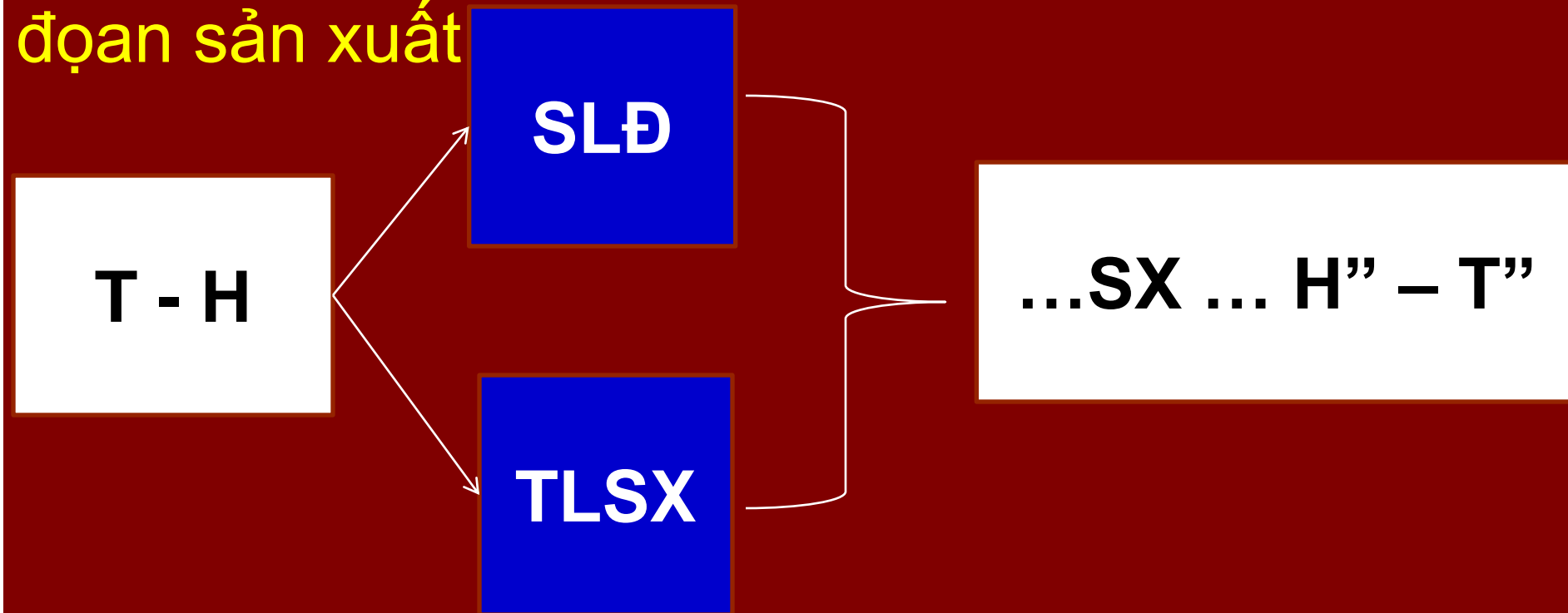


SLĐ

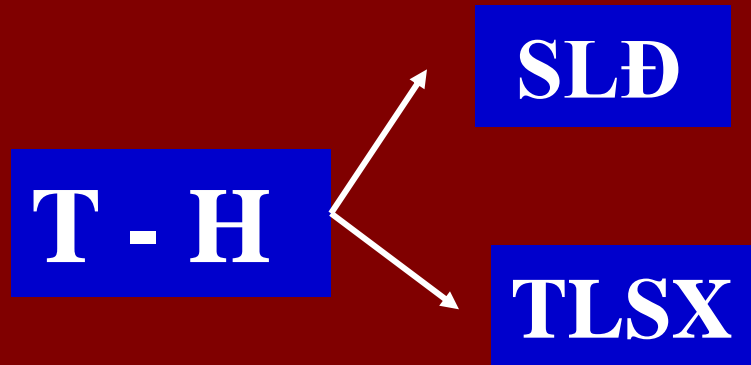
TL SX

Tuần hoàn của tư bản là sự vận động liên tục của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái khác nhau để rồi quay trở về hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.

Tuần hoàn của tư bản công nghiệp vận động theo: **hai giai đoạn lưu thông và một giai đoạn sản xuất**

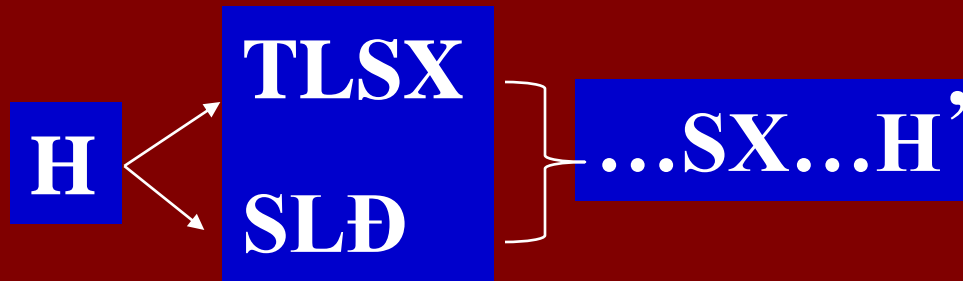


Giai đoạn 1 – Giai đoạn lưu thông



Tư bản lúc này tồn tại dưới dạng tiền tệ thực hiện chức năng mua TLSX, SLĐ để tư bản tiền tệ biến thành tư bản sản xuất.

Giai đoạn 2 – giai đoạn sản xuất



Lúc này tư bản tồn tại dưới hình thức sản xuất, sự kết hợp giữa SLĐ và TLSX tạo nên hàng hóa trong đó có giá trị m. Đây là giai đoạn quyết định nhất.

Kết thúc giai đoạn này **tư bản sản xuất chuyển hóa thành tư bản hàng hóa.**

Giai đoạn 3- Giai đoạn lưu thông

H' - T'

Lúc này tư bản tồn tại dưới dạng là hàng hóa, nhà tư bản với tư cách là người bán hàng.

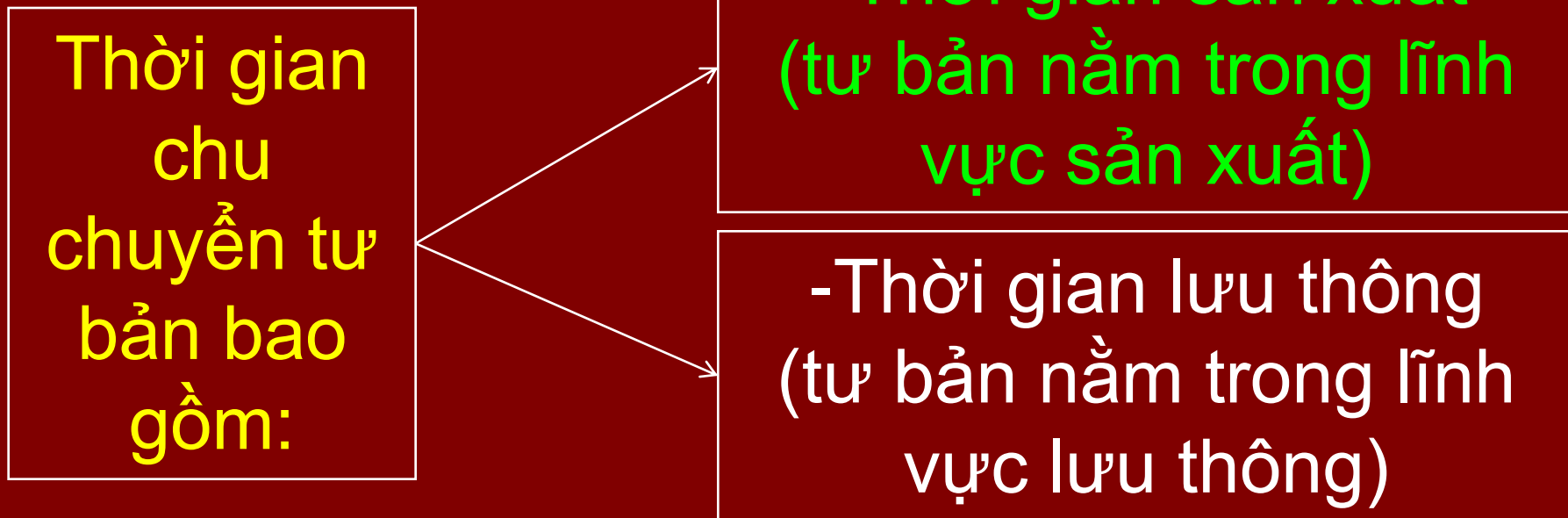
Kết thúc giai đoạn này **tư bản hàng hóa chuyển hóa thành tiền tệ** nhưng với số lượng lớn hơn ban đầu.

Một vài nhận xét:

- + Tuần hoàn của tư bản sẽ tiến hành bình thường khi có hai điều kiện sau:
 - Các giai đoạn của chúng diễn ra liên tục
 - Các hình thái tư bản cũng tồn tại và được chuyển hóa một cách đều đặn.
- + Phù hợp với ba giai đoạn tuần hoàn của tư bản có ba hình thái của tư bản công nghiệp: tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất và tư bản hàng hóa.

b/ Chu chuyển tư bản.

Sự tuần hoàn của tư bản, nếu xét nó với tư cách là một quá trình định kỳ đổi mới và thường xuyên lặp đi lặp lại, thì gọi là chu chuyển của tư bản.



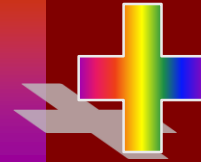
Thời gian của chu chuyển tư bản càng rút ngắn thì càng có điều kiện sản xuất ra giá trị thặng dư.

Thời gian chu chuyển tư bản

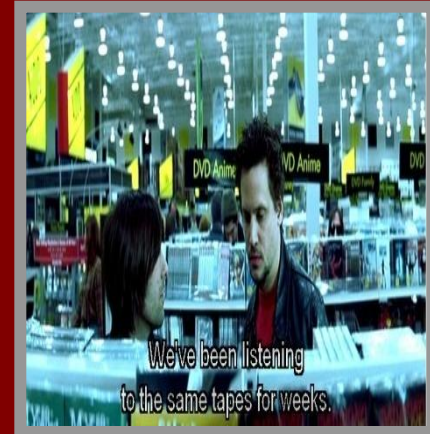
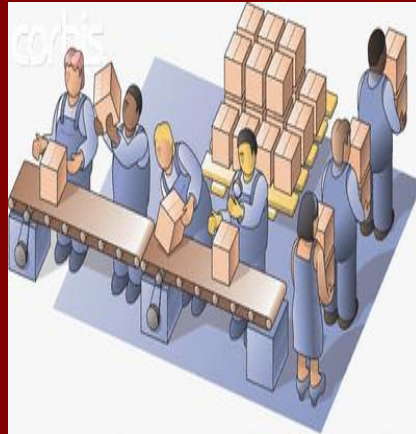
Thời gian
Chu chuyển



Thời gian
sản xuất



Thời gian
lưu thông





THỜI GIAN SẢN XUẤT



Thời gian
lao động



Thời gian
gián đoạn
lao động



Thời
gian dự
trữ SX



**Công nhân
đang SX**



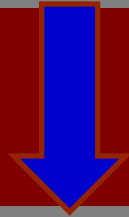
**Đối tượng lao động
không trực tiếp
chịu tác động của
lao động**



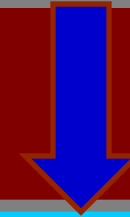
**Hàng hóa
dự trữ
trong kho**



Thời gian lưu thông



Thời gian mua



Thời gian bán



Tốc độ chu chuyển tư bản

Tốc độ chu
chuyển tư bản

$$N = \frac{CH}{ch}$$

N: số vòng chu chuyển

CH: Thời gian tư bản vận động trong 1 năm

ch: thời gian cho 1 vòng chu chuyển

c/ Tư bản cố định và tư bản lưu động

+ **Tư bản cố định**, là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng ...tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong thời gian sản xuất.



+ Tư bản lưu động là bộ phận tư bản tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động... giá trị của nó được hoàn lại toàn bộ cho các nhà tư bản sau mỗi quá trình sản xuất, khi hàng hóa được bán xong.



Tự bản cố định, tự bản lưu động

Tự bản cố định



Hao mòn hữu hình

Hao mòn vô hình

C1



Tự bản lưu động



C2



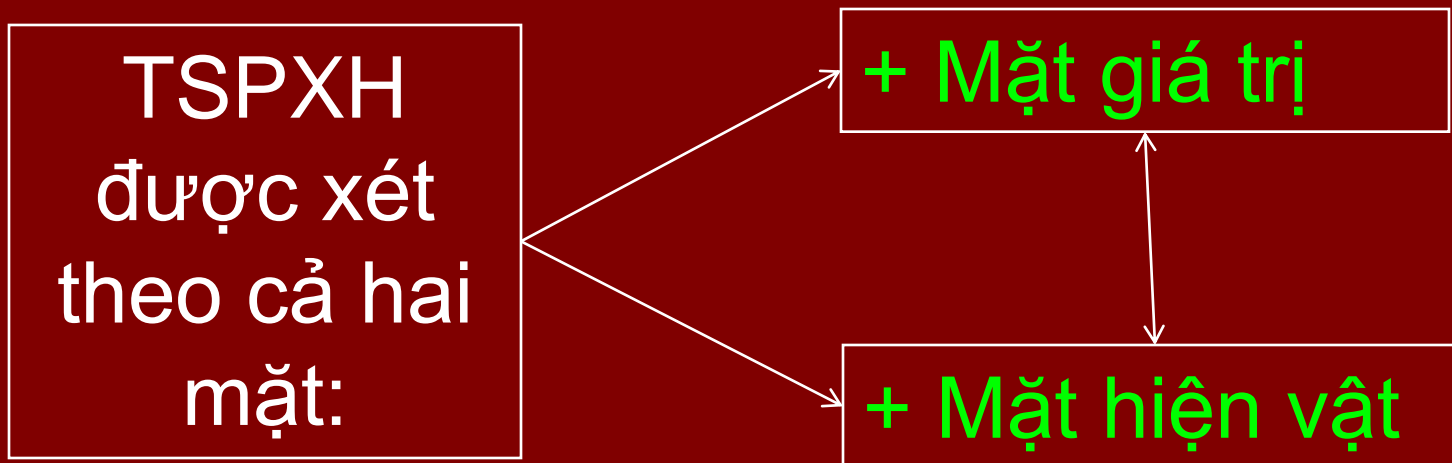
Tư bản cố định, tư bản lưu động



2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội

a. Một số khái niệm cơ bản của tái sản xuất tư bản xã hội

Khái niệm tổng sản phẩm xã hội: là toàn bộ sản phẩm mà xã hội sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm.



**VỀ
MẶT
GIÁ TRỊ**

**=> NHỮNG GIÁ TRỊ TƯ LIỆU SẢN XUẤT ĐÃ
TIÊU HAO TRONG SẢN XUẤT.**

**=> GIÁ TRỊ TOÀN BỘ SỨC LAO ĐỘNG XÃ
HỘI ĐÃ TIÊU HAO.**

=> GIÁ TRỊ CỦA SẢN PHẨM THẶNG DƯ

**VỀ
MẶT
HIỆN VẬT**

**TỔNG SẢN PHẨM XH GỒM CÓ TƯ LIỆU SẢN
XUẤT VÀ TƯ LIỆU TIÊU DÙNG DO HÌNH
THỨC TỰ NHIÊN CỦA NÓ QUYẾT ĐỊNH**

Toàn bộ nền sản xuất xã hội chia thành hai khu vực:

- Khu vực I: Sản xuất ra tư liệu sản xuất**
- Khu vực II: Sản xuất ra tư liệu tiêu dùng**

-Tư bản xã hội: Là tổng hợp các tư bản cá biệt của xã hội vận động đan xen nhau, liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

Tư bản công nghiệp

Tư bản thương nghiệp

Tư bản ngân hàng ...

Ở đây nghiên cứu trừu tượng về tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội nên Mác khẳng định tư bản công nghiệp vẫn là một thể thống nhất, chưa xét từng loại tư bản cụ thể

Để phân tích tái sản xuất tư bản xã hội, Mác nêu các giả định:

- + Chỉ có 2 giai cấp tư sản và vô sản trong phương thức SX TBCN thuần túy
- + Hàng hóa được mua bán theo đúng giá trị
- + Cấu tạo c/v không thay đổi.
- + Toàn bộ C được chuyển hết vào giá trị sản phẩm trong 1 năm
- + Không xét đến ngoại thương.

10/23/2020

b/ Điều kiện thực hiện trong tái sx giản đơn và tái sx mở rộng tư bản xã hội.

+ Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn:

Sơ đồ ví dụ:

$$\left. \begin{array}{l} \text{Khu vực 1: } 4000C + 1000V + 1000m \\ \text{Khu vực 2: } 2000C + 500V + 500M \end{array} \right\} 9000$$

Để quá trình tái sản xuất diễn ra bình thường, toàn bộ sản phẩm của 2 khu vực, cần được trao đổi, đáp ứng cả về mặt giá trị và hiện vật

Trong khu vực 1:

- Bộ phận 4000C thực hiện trong nội bộ KV1
- Bộ phận (1000v+1000m) trao đổi với KV2 để lấy tư liệu sinh hoạt

Trong khu vực 2:

- Bộ phận (500v+500m) thực hiện trong nội bộ KV2
- Bộ phận 2000c trao đổi với KVI để lấy TLSX

$$\text{KVI: } 4000\text{c} + \underbrace{1000\text{v} + 1000\text{m}} = 6000$$



A white line connects the bracketed term '1000v + 1000m' in the KVI equation to the '2000c' term in the KVII equation. The line starts from the bottom of the bracket, goes down, then left, then down again, ending with an arrow pointing to the '2000c'.

$$\text{KVII: } 2000\text{c} + 500\text{v} + 500\text{m} = 3000$$

Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất đơn giản là:

$$(1) \quad I(v + m) = IIc$$

$$(2) \quad I(c + v + m) = IIc + Ic$$

$$(3) \quad I(v + m) + II(v + m) = II(c + v + m)$$

Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất mở rộng

Mác đưa ra sơ đồ tái sản xuất mở rộng tư bản xã hội:

$$\text{Khu vực 1: } 4000c + 1000v + 1000m = 6000$$

$$\text{Khu vực 2: } 1500c + 750v + 750m = 3000$$

- Cơ cấu ở khu vực II đã thay đổi $C/V = 2/1$
- Muốn mở rộng sản xuất thì phải biến một bộ phận giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm gồm c phụ thêm và v phụ thêm.

Nghĩa là: $I(v+m) > IIc$

10/23/2020

c. Sự phát triển của Lênin đối với lý luận tái sản xuất tư bản xã hội của C.Mác.

Vận dụng lý luận của Mác về TSX TBXH Lenin đã tiến hành nghiên cứu quá trình TSX và đưa ra kết luận: “ Sản xuất TLSX để tạo ra TLSX phát triển nhanh nhất, sau đến sản xuất TLSX để tạo ra TLTD; và cuối cùng chậm nhất là sự phát triển của sản xuất TLTD”.

Đó cũng là nội dung của qui luật ưu tiên phát triển sản xuất tư liệu sản xuất.

3. Khủng hoảng kinh tế trong CNTB.

a. Bản chất và nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản.

+ Khủng hoảng kinh tế TBCN là khủng hoảng sản xuất “thừa”

+ Nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế bắt do mâu thuẫn cơ bản của CNTB: Mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sx với chế độ sở hữu tư nhân về TLSX

KHÔNG
AI MUA
LÚA!
LÀM
SAO
ĐÂY ?



Mâu thuẫn này biểu hiện:

- Mâu thuẫn giữa tính tổ chức ,tính kế hoạch trong từng xí nghiệp rất chặt chẽ và khoa học với khuynh hướng tự phát vô chính phủ trong toàn xã hội.
- Mâu thuẫn giữa khuynh hướng tích lũy,mở rộng không có giới hạn của tư bản với sức mua ngày càng eo hẹp của quần chúng
- Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản

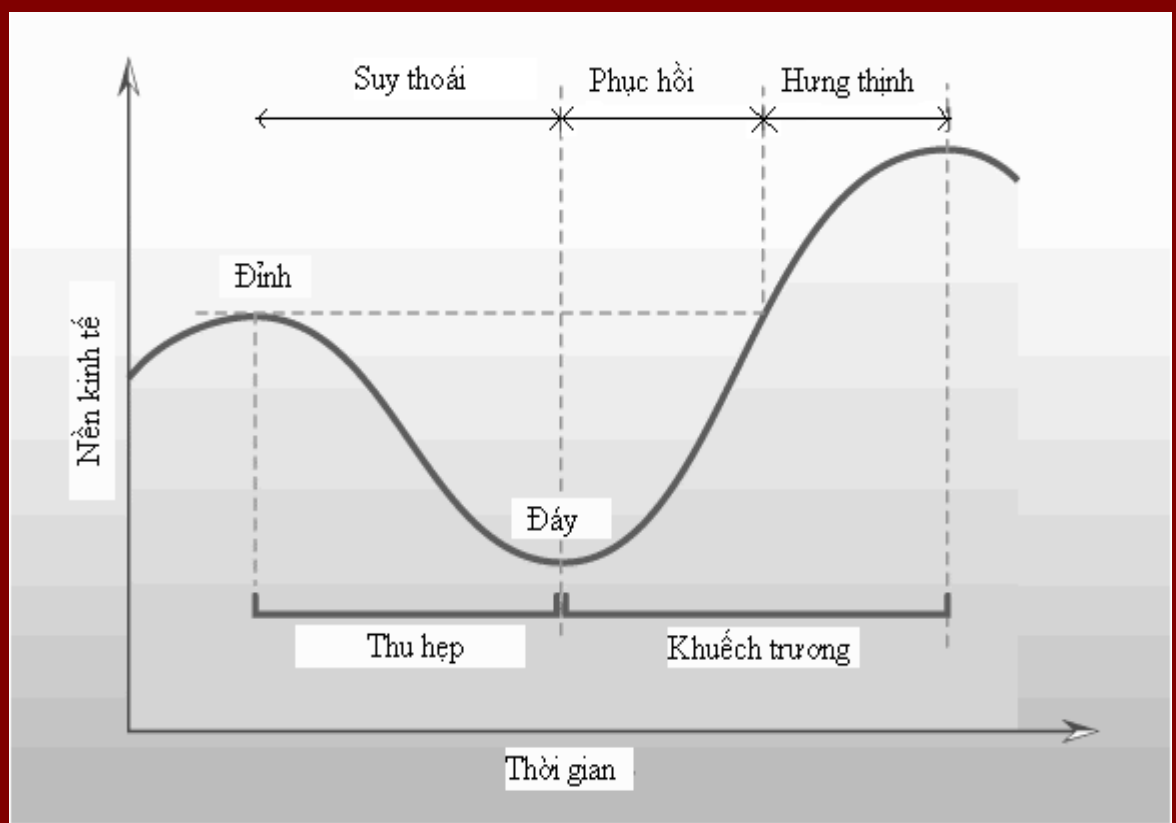


b. Tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản.

- + Chu kỳ kinh tế của chủ nghĩa tư bản là khoảng thời gian nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vận động từ đầu cuộc khủng hoảng này đến đầu cuộc khủng hoảng sau.
- + Một chu kỳ kinh tế bao gồm 4 giai đoạn: khủng hoảng; tiêu điều; phục hồi và hưng thịnh.



+ Khủng hoảng:
Sản xuất ra hàng hoá mà không thể bán được, giá cả giảm mạnh, tư bản đóng cửa sản xuất, công nhân thất nghiệp.



+ Tiêu điều: là giai đoạn tiếp theo của khủng hoảng.: Sản xuất đình trệ, cơ sở sản xuất thiết lập lại ở trạng thái thấp. Tiền nhàn rỗi nhiều vì không có nơi đầu tư, tỉ suất lợi nhuận thấp

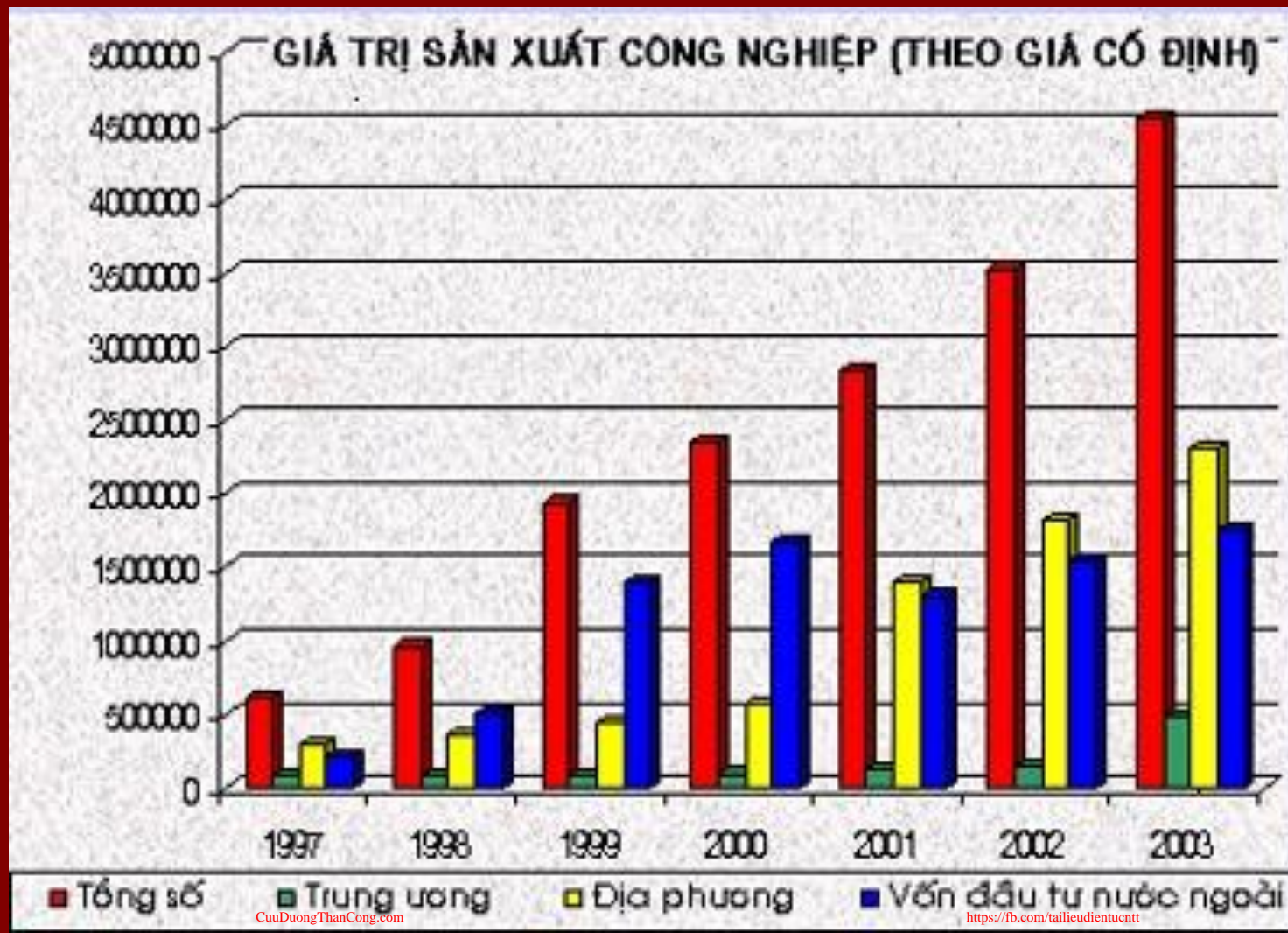


+ Phục hồi: giai đoạn nối tiếp của tiêu điều. Nhờ đổi mới tư bản cố định, sản xuất trở lại trạng thái như trước, công nhân được thu hút vào làm việc, giá cả tăng, lợi nhuận tăng.

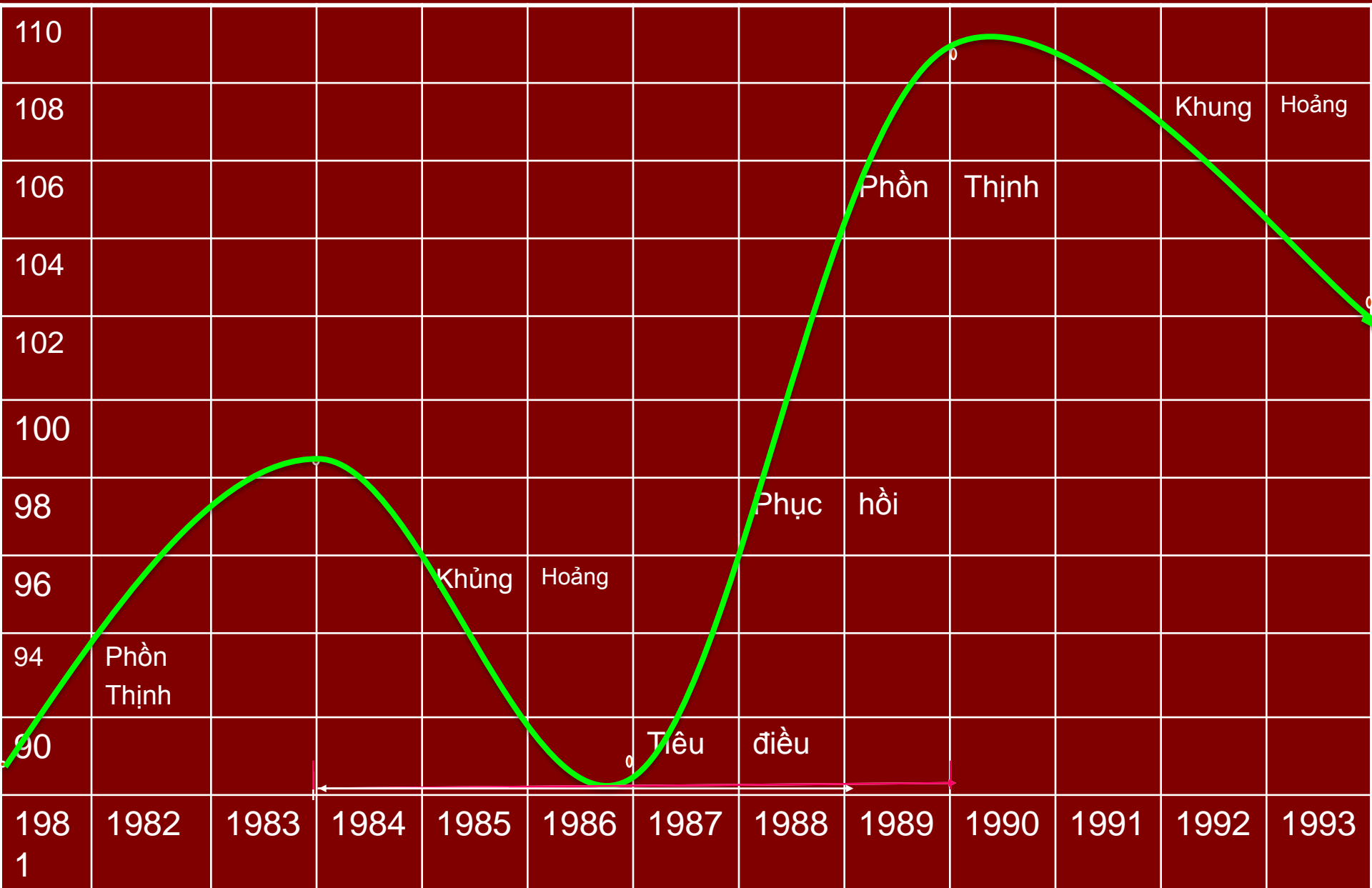
**TUYỂN DỤNG
CƠ HỘI
VIỆC LÀM
2009**



+ Hưng thịnh: là giai đoạn phát triển cao nhất của chu kỳ kinh tế. Sản xuất mở rộng và phát triển vượt mức cao nhất của chu kỳ trước



Tính chất chu kỳ khủng hoảng kinh tế của CNTB



VI. CÁC HÌNH THÁI TƯ BẢN VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1/ Chi phí SX TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

a/ Chi phí sản xuất TBCN

Để tạo ra hàng hóa phải có chi phí thực tế (ký hiệu là w) gồm lao động quá khứ (c) và lao động hiện tại (v).

$$w = c + v + m$$



Chi phí sản xuất TBCN là chi phí về tư bản mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa (ký hiệu là k).

$$k = c + v$$

Vậy, $w = k + m$



Chi phí thực tế và chi phí TBCN khác nhau cả về mặt chất và mặt lượng:

- **Về mặt chất:** chi phí thực tế (w) chỉ ra hao phí lao động xã hội cần thiết để sx và tạo ra giá trị của hàng hóa, còn chi phí sx TBCN (k) chỉ ra chi phí tư bản của nhà tư bản mà thôi, nó không tạo ra giá trị hàng hóa
- **Về mặt lượng:** chí phí sản xuất tư bản chủ nghĩa (k) luôn nhỏ hơn chi phí thực tế (w).

$$(c + v) < (c + v + m)$$

b.Lợi nhuận

Lợi nhuận là phần **chênh lệch** giữa tổng **doanh thu** và **chi phí** sau khi bán hàng hóa.

Kí hiệu: P

$$W = c + v + m \longrightarrow W = k + p$$

Vậy giữa p và m có gì giống và khác nhau?

- **Giống**: Cả p và m đều có nguồn gốc từ kết quả lao động không công của người làm thuê.
- **Khác**: m phản ánh đúng nguồn gốc và bản chất của nó là kết quả của sự chiếm đoạt lao động không công của công nhân.

P làm cho người ta hiểu nhầm rằng giá trị thặng dư không phải chỉ do lao động làm thuê tạo ra.

Vì:

* Sự hình thành k đã xóa nhòa sự khác nhau giữa c và v làm cho p được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước.

* Chi phí sản xuất TBCN < CPSX thực tế. P là do việc mua bán, lưu thông tạo ra:

Nếu giá cả = giá trị thì : $p = m$

Nếu giá cả > giá trị thì : $p > m$

Nếu giá cả < giá trị thì : $p < m$.

Nếu chúng ta xét trên phạm vi toàn xã hội và trong một thời gian dài thì:

+ Tổng giá cả = Tổng giá trị

+ Tổng lợi nhuận = Tổng giá trị thặng dư.

Do đó, lợi nhuận chính là từ bóc lột sức lao động của công nhân làm thuê mà ra.

c. Tỷ suất lợi nhuận

Là tỉ số tính theo phần trăm giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước: P'

$$P' = \frac{m}{C + v} \times 100\%$$

$$P_{\text{HÀNG NĂM}} = P/k \times 100\%$$

**P : LÀ TỔNG SỐ LỢI NHUẬN THU
ĐƯỢC TRONG NĂM**

Cần phân biệt giữa m' và p'?

- Về mặt chất: m' phản ánh được trình độ bóc lột của nhà TB đối với CN làm thuê, còn p' nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư tư bản.
- Về mặt lượng: $p' < m'$ vì:

$$p' = \frac{P}{c + v} \times 100 \%$$

$$m' = \frac{m}{v} \times 100 \%$$

d/ Những nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất lợi nhuận

TỶ SUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (m')	m'1 = 100%	800C + 200V + 200m -> P' = 20%	m'2 > m'1
	m'2 = 200%	800C + 200V + 400m -> P' = 40%	

CẤU TẠO HỮU CƠ CỦA TƯ BẢN (C/V)	C/V = 7/3	70C + 30V + 30m -> P' = 30%	7/3 < 8/2
	C/V = 8/2	80C + 20V + 20m -> P' = 20%	

TỐC ĐỘ CHUYỂN CỦA TƯ BẢN	1VÒNG / NĂM	80C + 200V + (20m x 1) -> P' = 20%
	2VÒNG/NĂM	80C + 20V + (20m x 2) -> P' = 40%

TIẾT KIỆM TƯ BẢN BẤT BIẾN	TRƯỚC KHI TIẾT KIỆM	80C + 20V + 20m -> P' = 20%
	SAU KHI TIẾT KIỆM	70C + 30V + 30m -> P' = 30%

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

a. Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường

Cạnh tranh là sự ganh đua, sự đấu tranh gay gắt giữa những người sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành giật những điều kiện có lợi về sản xuất và tiêu thụ hàng hóa để thu lợi nhuận cao nhất.

Có hai loại cạnh tranh:

- Cạnh tranh trong nội bộ ngành
- Cạnh tranh giữa các ngành.

+ **Cạnh tranh trong nội bộ ngành** là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành, cùng sản xuất ra một loại hàng hóa nhằm giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa có lợi hơn để thu lợi nhuận siêu ngạch.

Biện pháp cạnh tranh:

Các nhà tư bản thường xuyên cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, làm cho giá trị cá biệt của mình sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa nhằm thu **p siêu ngạch**.

Kết quả: Hình thành nên giá trị xã hội (giá cả thị trường) của từng loại hàng hóa.

b. Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân \bar{p}

Cạnh tranh giữa các ngành là sự cạnh tranh giữa các ngành sản xuất khác nhau, nhằm tìm nơi đầu tư có lợi hơn, tức có P' lớn hơn

Biện pháp: Tự do di chuyển tư bản từ ngành này sang ngành khác.

Kết quả: hình thành tỉ suất lợi nhuận bình quân (\bar{p}'), giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất.

Ví dụ: Hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân ở các ngành khác nhau:

NGÀNH SẢN XUẤT	CHI PHÍ SẢN XUẤT	m' (%)	Khối lượng (m)	P' (%)
Cơ khí	80 c + 20 v	100	20	20
Dệt	70 c + 30 v	100	30	30
Da	60 c + 40 v	100	40	40

Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ số tính theo % giữa tổng giá trị thặng dư và tổng số tư bản xã hội đã đầu tư vào các ngành của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ký hiệu là \bar{P}'

Công thức tính tỉ suất lợi nhuận bình quân

$$\bar{p}' = \frac{\sum m}{\sum (c + v)} \times 100 \%$$

Khi tỷ suất lợi nhuận bình quân hình thành nghĩa là nếu lượng tư bản ứng ra bằng nhau thì dù đầu tư vào ngành nào cũng đều thu được lợi nhuận bằng nhau. Gọi đó là lợi nhuận bình quân.

Lợi nhuận bình quân là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản như thế nào.

Ký hiệu là \overline{P}

$$\overline{P} = \overline{P'} \times k$$

Sự hình thành $\overline{P'}$ và \overline{P} góp phần điều tiết nền kinh tế nhưng không chấm dứt được quá trình cạnh tranh trong xã hội tư bản.

3. Sự chuyển hóa giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất.

Giá cả sản xuất = chi phí sản xuất + lợi nhuận bình quân.

$$\text{Giá cả sản xuất} = k + \overline{p}$$

Để giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất phải có nền đại công nghiệp phát triển; có sự liên hệ rộng rãi giữa các ngành sản xuất, tư bản tự do chuyển từ ngành này sang ngành khác.

Và, nhìn từ góc độ toàn xã hội thì tổng giá cả sản xuất luôn luôn bằng tổng giá giá trị hàng hóa.

Ngành SX	Tư bản bất biến	Tư bản khả biến	m với m' = 100%	Giá trị Hàng hóa	\overline{p}	Giá cả Sản Xuất Của h.hóa	Chênh Lệch Giữa g.Cả SX và Giá trị
Cơ khí	80	20	20	120	30	130	+10
Dệt	70	30	30	130	30	130	0
Da	60	40	40	140	30	130	-10
Tổng số	210	90	90	390	90	390	0

Như vậy, trong giai đoạn cạnh tranh tự do của CNTB, khi giá trị thặng dư chuyển hóa thành lợi nhuận bình quân thì giá trị hàng hóa chuyển hóa thành giá cả sản xuất và quy luật giá trị cũng biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất.

4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong CNTB

a. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp

- Tư bản thương nghiệp là một bộ phận của tư bản công nghiệp được tách rời ra và phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa của tư bản công nghiệp: $T - H - T'$
- Lợi nhuận thương nghiệp là một phần của m được sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất và do nhà tư bản công nghiệp nhượng lại cho nhà TBTN tiêu thụ hàng cho mình.

b/ Tư bản cho vay và lợi tức cho vay.

Tư bản cho vay là tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người chủ sở hữu nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhằm nhận được một số tiền lời nhất định. Số tiền đó được gọi là lợi tức.

Ký hiệu lợi tức: z

Công thức vận động của tư bản cho vay:

$$T - T' \text{ trong đó } (T' = T + z)$$

Lợi tức (z) chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản đi vay sử dụng.

Giới hạn của lợi tức: $0 < z' < p$

Tỷ suất lợi tức:

$$z' = \frac{z}{\text{tư bản cho vay}} \times 100\%$$

b. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay

Lợi tức



Tỉ
suất
lợi
tức

Nhà tư bản cho vay	Nhà tư bản đi vay
Nhường quyền sử dụng tư bản cho người khác	Đi vay tiền để tiến hành sản xuất – kinh doanh
Lợi tức	Lợi nhuận (trích một phần)

$$z' = \frac{z}{\text{tư bản cho vay}} \times 100\%$$

$$0 < z' < p'$$

c. Quan hệ tín dụng TBCN. Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng

- Tín dụng TBCN: là hình thức vận động tư bản cho vay có 2 hình thức:
 - + **Tín dụng thương nghiệp**: giữa các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh, mua bán chịu cho nhau
 - + **Tín dụng ngân hàng** : là quan hệ vay mượn thông qua ngân hàng làm môi giới

Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng



Hai nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng

Nhận gửi	Cho vay
Trả lợi tức cho người gửi tiền	Thu lợi tức của người đi vay



Ngoài ra ngân hàng còn đóng vai trò thủ quỹ của xã hội, quản lý tiền mặt, phát hành tiền giấy và là trung tâm thanh toán của xã hội

Phân biệt giữa tư bản cho vay và tư bản ngân hàng



Tư bản cho vay

Là tư bản tiềm thế, tư bản không hoạt động

chỉ thu được lợi tức (một phần của P)

chỉ bao gồm tư bản nhàn rỗi

Tư bản ngân hàng

Là tư bản chức năng, tư bản hoạt động

Vận động theo quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

Tư bản nhàn rỗi, các kim loại quý hiếm, các chứng
khoán có giá

d/ Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán.

+ Công ty cổ phần: là một loại hình xí nghiệp lớn mà vốn của nó được hình thành từ sự đóng góp của nhiều người thông qua việc phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu là một thứ chứng khoán có giá trị do công ty cổ phần phát hành ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của người mua cổ phiếu (cổ đông), đồng thời còn bảo đảm cho cổ đông có quyền được lĩnh một phần thu nhập của công ty (cổ tức) căn cứ và giá trị cổ phần và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Cổ phiếu được mua bán trên thị trường chứng khoán theo thị giá của nó.

Thị giá của cổ phiếu phụ thuộc vào hai nhân tố:

+ Mức cổ tức mà cổ phiếu mang lại. Mức cổ tức càng cao thì thị giá cổ phiếu càng lớn và ngược lại.

+ Tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng. Tỷ suất này càng cao thì thị giá cổ phiếu càng thấp và ngược lại.

+ Tư bản giả: là tư bản tồn tại dưới hình thức các chứng khoán có giá và mang lại thu nhập cho người sở hữu các chứng khoán đó.

Gọi là tư bản giả vì:

+ Giá trị của nó có thể tăng cao so với tư bản thực và cũng có thể bằng không khi sự phá sản xảy ra.

+ Có khi tư bản thực tế đã sử dụng hết mà tư bản giả vẫn còn tồn tại (công trái)

Có hai loại chứng khoán phổ biến là **cổ phiếu** và **trái phiếu** (trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chính phủ).

Đặc điểm của tư bản giả:

- + Có thể mang lại thu nhập cho người sở hữu nó.
- + Có thể mua bán được
- + Vì là tư bản giả nên sự tăng giảm giá mua bán của nó trên thị trường không cần có sự thay đổi tương ứng của tư bản thật.

Thị trường chứng khoán: là nơi mua bán các chứng khoán.

Có hai cấp:

Thị trường chứng khoán sơ cấp: nơi mua bán các chứng khoán phát hành lần đầu tiên.

Thị trường chứng khoán thứ cấp: nơi mua đi bán lại các chứng khoán và thường được thực hiện thông qua các sở giao dịch chứng khoán.

Thị trường chứng khoán là “phong vũ biểu” của nền kinh tế.

Công ty cổ phần và thị trường chứng khoán có tác dụng huy động được vốn nhàn rỗi của nhân dân trong và ngoài nước.

e. Quan hệ sản xuất TBCN trong nông nghiệp và địa tô TBCN

- Sự hình thành QHSX TBCN trong nông nghiệp:
QHSX TBCN trong nông nghiệp xuất hiện muộn hơn trong công nghiệp và thương nghiệp theo 2 con đường:
 - + Dần chuyển nông nghiệp địa chủ phong kiến sang kinh doanh theo PTSX TBCN.
 - + Thông qua cuộc cách mạng dân chủ tư sản – phát triển CNTB trong nông nghiệp.

- Bản chất địa tô TBCN: Địa tô TBCN là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ.
- Thực chất địa tô TBCN chính là một hình thức chuyển hóa của giá trị thặng dư siêu ngạch hay lợi nhuận siêu ngạch.

Địa tô tư bản chủ nghĩa

	Địa tô TBCN	Địa tô PK
Gống nhau	Quyền sở hữu ruộng đất được thực hiện về mặt kinh tế	
Khác nhau		
Chất	Phản ánh mối quan hệ giữa 3 giai cấp: địa chủ, nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp và công nhân nông nghiệp làm thuê.	Phản ánh mối quan hệ sản xuất giữa 2 giai cấp địa chủ và nông nhân
	Địa chủ gián tiếp bóc lột CN thông qua TB hoạt động	Địa chủ trực tiếp bóc lột nông dân.
Lượng	Chỉ một phần giá trị thặng dư ngoài lợi nhuận bình quân của nhà TB kinh doanh ruộng đất	Toàn bộ sản phẩm thặng dư do nông dân tạo ra có khi còn lạm vào cả sản phẩm cần

Các hình thức địa tô TBCN

- + Địa tô chênh lệch
- + Địa tô tuyệt đối

*** Địa tô chênh lệch** là phần địa tô thu được trên phần ruộng đất có lợi thế và điều kiện sản xuất. **Ký hiệu: Rcl**

Địa tô chênh lệch = Giá cả sản xuất chung (được quy định bởi điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất) – Giá cả sản xuất cá biệt (trên ruộng đất tốt, trung bình).

Có hai loại địa tô chênh lệch:

+ Địa tô chênh lệch (I): thu được trên những ruộng đất có độ màu mỡ tự nhiên thuộc loại trung bình và tốt.

+ Địa tô chênh lệch (II): thu được do thâm canh mà có.

*** Địa tô tuyệt đối:** là địa tô mà tất cả các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp đều phải nộp cho địa chủ, cho dù ruộng đất tốt hay xấu. Đây là địa tô trên mọi thứ đất.

Sự độc quyền tư hữu về ruộng đất trong xã hội tư bản đã:

+ **Cản trở sự phát triển của QHSX TBCN trong lĩnh vực nông nghiệp.** Biểu hiện ở:

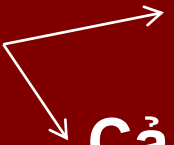
- Nông nghiệp thường lạc hậu so với công nghiệp. Cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp thường thấp hơn cấu tạo hữu cơ của tư bản trong công nghiệp .


+ Ngăn cản quá trình tự do di chuyển tư bản từ các ngành khác vào nông nghiệp và do đó làm cho quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận giữa nông nghiệp và công nghiệp diễn ra khó khăn.

+ Nông sản phẩm được bán ra theo giá trị chứ không bán theo giá cả sản xuất chung. Phần chênh lệch giữa hai yếu tố này chính là chênh lệch giữa giá trị thặng dư được tạo ra trong nông nghiệp và lợi nhuận bình quân sẽ được giữ lại để nộp cho địa chủ.

Vậy, **địa tô tuyệt đối** là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của tư bản trong nông nghiệp luôn thấp hơn cấu tạo hữu cơ trong tư bản công nghiệp, nó là số chênh lệch giữa giá trị nông sản phẩm và giá cả sản xuất chung.

Sự giống và khác nhau giữa địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối.

Giống nhau:  Cả hai đều là lợi nhuận siêu ngạch
Cả hai đều có nguồn gốc từ giá trị thặng dư

Khác nhau:  Độc quyền kinh doanh ruộng đất theo kiểu TBCN là nguyên nhân sinh ra địa tô chênh lệch, còn độc quyền tư hữu về ruộng đất là nguyên nhân sinh ra địa tô tuyệt đối

+ Giá cả ruộng đất: là hình thức địa tô tư bản hóa.

Giá cả ruộng đất chính là giá mua quyền thu địa tô do ruộng đất mang lại theo tỷ suất lợi tức hiện hành.

Giá cả ruộng đất tỷ lệ thuận với địa tô và tỷ lệ nghịch với tỷ suất lợi tức tư bản gửi vào ngân hàng.

HẾT

